

KẾ HOẠCH
V/v Tổ chức kiểm tra cuối học kỳ I, năm học 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Công văn số 1955/SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2023 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 3025/SGDĐT-GDTrH ngày 08/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam về việc hướng dẫn tổ chức kiểm tra cuối học kỳ 1 năm học 2023-2024;

Trường THPT Trần Hưng Đạo xây dựng Kế hoạch kiểm tra cuối học kỳ năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá học sinh trung học cơ sở theo quy định, đảm bảo tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông và tài liệu hướng dẫn kiểm tra, đánh giá của Bộ GD&ĐT (đối với lớp 10, 11); không kiểm tra đánh giá đối với các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Bộ GDĐT (đối với lớp 12).
- Bố trí thời gian kiểm tra phù hợp, đảm bảo không gây áp lực, quá tải đối với học sinh.

II. THỜI ĐIỂM KIỂM TRA

- Kiểm tra cuối kỳ 1: Từ ngày 26/12/2023 đến hết ngày 05/01/2024 (Tuần 17 và 18).

III. HÌNH THỨC, NỘI DUNG, THỜI GIAN LÀM BÀI KIỂM TRA

1. Đối với lớp 10, 11

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá cuối kỳ theo đúng hướng dẫn trong Chương II của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Nội dung kiểm tra của các môn phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và theo hướng dẫn kiểm tra, đánh giá của Bộ GD&ĐT đối với từng môn học.

a) Đối với các môn đánh giá bằng nhận xét kết hợp với điểm số được thực hiện cụ thể như sau:

- **Môn Tiếng Anh:** Kiểm tra và đánh giá thực hiện theo hướng dẫn trong Công văn số 2018/SGDDĐT-GDTrH ngày 31/8/2023 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam về việc Hướng dẫn dạy học ngoại ngữ năm học 2023-2024; kiểm tra 5 nội dung gồm 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ; tỉ lệ điểm của từng nội dung là 20% (*tỉ lệ này có thể được điều chỉnh trong khoảng 5% tùy theo tình hình của từng nhà trường*).

- **Môn Ngữ văn:** Tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm với tự luận. Đề kiểm tra gồm 2 phần:

+ **Phần Đọc hiểu (6,0 điểm) theo 1 trong 2 hình thức sau:**

- Kiểm tra theo hình thức tự luận gồm 8 câu hỏi/yêu cầu: nhận biết (3 câu: 1,5 điểm), thông hiểu (3 câu: 3,0 điểm), vận dụng (1 câu: 1,0 điểm), vận dụng cao (1 câu: 0,5 điểm);

- Kiểm tra theo hình thức kết hợp trắc nghiệm với tự luận gồm 10 câu hỏi/yêu cầu. Trong đó, có 7 câu trắc nghiệm gồm: nhận biết (4 câu: 2,0 điểm), thông hiểu (3 câu: 1,5 điểm) và 3 câu tự luận gồm: thông hiểu (1 câu: 1,0 điểm), vận dụng (1 câu: 1,0 điểm), vận dụng cao (1 câu: 0,5 điểm).

+ **Phần Làm văn (4,0 điểm):** Kiểm tra theo hình thức tự luận gồm 1 câu hỏi/yêu cầu, phân chia theo các mức độ nhận thức: nhận biết (1,0 điểm), thông hiểu (1,5 điểm), vận dụng (1,0 điểm), vận dụng cao (0,5 điểm).

+ **Nội dung kiểm tra:** Sử dụng ngữ liệu đọc hiểu là văn bản ngoài sách giáo khoa có hình thức thể loại, mức độ kiến thức tương đương với các loại văn bản đã học, chứa đựng các thông tin, nội dung phù hợp để kiểm tra theo các *yêu cầu cần đạt* trong chương trình Ngữ văn của lớp học tính đến thời điểm kiểm tra. Phần Làm văn, giáo viên cần lựa chọn kiểu bài, nội dung làm văn phù hợp với chương trình Ngữ văn của lớp học tính đến thời điểm kiểm tra, mục đích kiểm tra. Chú ý tránh dùng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa làm ngữ liệu (nếu có) để viết bài làm văn.

- Các môn còn lại kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận.

b) Đối với các môn đánh giá bằng nhận xét thực hiện cụ thể như sau:

- Nội dung Giáo dục của địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp điều kiện, đặc điểm và kế hoạch dạy học của từng môn học (có thể tự luận hoặc trắc nghiệm (70%) kết hợp tự luận (30%)), nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

- Môn Giáo dục thể chất: Kiểm tra riêng ở lớp học theo kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn.

c) Thời gian làm bài kiểm tra:

Môn Ngữ văn, môn Toán: 90 phút. Môn Tiếng Anh, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp: 60 phút. Các môn còn lại 45 phút.

2. Đối với lớp 12

a) Nội dung kiểm tra:

- Nội dung kiểm tra của các môn phải đảm bảo phù hợp với chuẩn kiến thức, kĩ năng và mục tiêu giáo dục của từng môn học.

- Không kiểm tra, đánh giá đối với những nội dung được hướng dẫn: *Không dạy; đọc thêm; không làm; không thực hiện; không yêu cầu; khuyến khích học sinh tự đọc/ tự học/ tự làm/ tự thực hiện/ tự tìm hiểu.*

- Đối với môn Môn Toán: gồm cả hai phân môn Giải tích và Hình học.

b) Hình thức đề kiểm tra:

- Môn Tiếng Anh kiểm tra và đánh giá theo đúng hướng dẫn trong Công văn số 2018/SGDDĐT-GDTrH ngày 31/8/2023 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam về việc Hướng dẫn dạy học ngoại ngữ năm học 2023-2024.

- Môn Thể dục: Kiểm tra riêng ở lớp học theo kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn.

- Môn Ngữ văn thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1850/SGDDĐT-GDTrH ngày 07/9/2022 và *phụ lục 2 đính kèm.*

- Các môn còn lại theo hình thức trắc nghiệm khách quan.

c) Thời gian làm bài kiểm tra:

Môn Ngữ văn 90 phút, môn Toán là 60 phút; các môn còn lại 45 phút.

4. Mức độ nhận thức, tỉ lệ điểm các phần của các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp điểm số (Theo phụ lục 1 đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo trường

- Thành lập Ban ra đề, sao in đề, kiểm tra và chấm kiểm tra theo quy định; xây dựng lịch làm việc và triển khai thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ; thực hiện đúng các quy định về bảo mật đề thi, bài thi.

- Thống nhất và phê duyệt hình thức và cấu trúc đề theo văn bản hướng dẫn của Sở.

- Chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn xây dựng ma trận, đặc tả, đề cương và đề kiểm tra cho từng khối, ra đề kiểm tra đảm bảo tính chính xác, đồng đều giữa các mã đề trong cùng một khối lớp.

- Kiểm tra, giám sát việc kiểm tra, đánh giá định kì của giáo viên nghiêm túc, đúng quy định, đúng lịch kiểm tra thống nhất, đúng thời lượng quy định, đúng nội dung và hình thức theo yêu cầu; đảm bảo kiểm tra được mục tiêu đánh giá được năng lực toàn diện của học sinh.

2. Các tổ chuyên môn:

- Xây dựng ma trận thể hiện cụ thể hình thức kiểm tra, tỉ lệ trắc nghiệm, tự luận, phân bố nội dung chương trình (*chọn theo phụ lục đính kèm của trường*); quản lí chặt chẽ ma trận, đặc tả đề, duyệt đề kiểm tra của từng môn. Xây dựng đề cương cho học sinh ôn tập và gửi đề cương cho lãnh đạo trường theo dõi.

- Phân công giáo viên ra đề, phản biện và kiểm tra chung đề toàn trường cho mỗi khối đảm bảo về chuyên môn, phù hợp với tình hình thực tế; không để tiêu cực có thể xảy ra trong dạy thêm, học thêm (*có cam kết của người ra đề, phản biện đề về tính khách quan, tính bảo mật, tính chính xác, ... của đề kiểm tra*). Cán bộ, giáo viên ra đề, phản biện đề chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo mật đề kiểm tra trong quá trình ra đề và tổ chức kiểm tra.

- Việc xây dựng ma trận, đặc tả và đề kiểm tra phải đảm bảo chất lượng, tính khách quan, công bằng, đánh giá đúng năng lực của học sinh, thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn quy định về thời gian, nội dung, cấu trúc.

- Sau khi kiểm tra xong, các tổ chuyên môn họp phân tích, đánh giá đề kiểm tra (đúng theo văn bản hướng dẫn kiểm tra cuối kỳ của Sở GDĐT). Các tổ, nhóm gửi ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra, kèm theo báo cáo kết quả phân tích, đánh giá đề cho lãnh đạo trường và công khai trên Website của nhà trường.

3. Văn phòng trường

- Tổ văn phòng chuẩn bị hồ sơ thi, giấy thi, giấy nháp ... các văn phòng phẩm khác để phục vụ việc kiểm tra cuối kỳ 1 năm học 2023-2024.

- Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất (phòng thi, bàn ghế, âm thanh...) và phân chia phòng thi, theo dõi tình hình vệ sinh trong thời gian thi. Quản lý việc ra vào cổng của học sinh tham gia thi.

4. Giáo viên

- Thực hiện đúng các quy định về ra đề, phản biện đề, sao in đề, bảo mật đề, coi kiểm tra và chấm bài.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức kiểm tra cuối học kỳ I, năm học 2023-2024 của Trường THPT Trần Hưng Đạo. Đề nghị các tổ, nhóm chuyên môn, tổ văn phòng, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- BGH (chỉ đạo);
- Tổ trưởng chuyên môn, tổ Văn phòng (thực hiện);
- Lưu: VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trương Quốc Đại

Phụ lục 1
MỨC ĐỘ NHẬN THỨC, TỈ LỆ TRẮC NGHIỆM, TỰ LUẬN VÀ
PHÂN BỐ KIẾN THỨC CỦA CÁC MÔN HỌC ĐÁNH GIÁ BẰNG
NHẬN XÉT KẾT HỢP ĐIỂM SỐ

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 69/KH-THPTTHĐ ngày 08/12/2023
của trường THPT Trần Hưng Đạo)*

1. Mức độ nhận thức

- Môn Toán: Nhận biết: 30% đến 40%; thông hiểu: 30% đến 40%; vận dụng: 20% đến 30%; vận dụng cao: khoảng 10%.

- Các môn còn lại, theo tỉ lệ: Nhận biết: 40%; thông hiểu: 30%; vận dụng: 20%; vận dụng cao: 10%.

2. Tỉ lệ điểm các phần của lớp 10, 11

Môn	Tỉ lệ TNKQ	Tỉ lệ tự luận	Ghi chú	Phân bố kiến thức
Toán	70%	30%		Tùy theo đặc điểm, đặc thù của môn học mà các tổ, nhóm chuyên môn giới hạn tỉ lệ phân kiến thức đã kiểm tra giữa kỳ trong đề kiểm tra cuối kỳ
Tin học	70%	30%		
Vật lý	70%	30%		
Hóa học	70%	30%	Tùy theo tình hình của bộ môn có thể điều chỉnh tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận tương ứng là 50%:50% hoặc 60%:40%	
Sinh học	70%	30%	Tùy theo tình hình của bộ môn có thể điều chỉnh tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận tương ứng là 50%:50% hoặc 60%:40%	
Lịch sử	50%	50%	Tùy theo tình hình của bộ môn có thể điều chỉnh tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận tương ứng là 70%:30% hoặc 60%:40%	
Địa lý	50%	50%	Tùy theo tình hình của bộ môn có thể điều chỉnh tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận tương ứng là 70%:30% hoặc 60%:40%	
GDKT-PL	70%	30%	Tùy theo tình hình của bộ môn có thể điều chỉnh tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận tương ứng là 50%:50% hoặc 60%:40%	

Phụ lục 2

XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN NGỮ VĂN 12
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 69/KH-THPTTHĐ ngày 08/12/2023
của trường THPT Trần Hưng Đạo)

1. Hình thức đề kiểm tra, thời gian kiểm tra:

Hình thức: Tự luận; thời gian: 90 phút.

2. Cấu trúc đề và phân bố tỉ lệ điểm theo các mức độ nhận thức:

- Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Làm văn

+ Đọc hiểu (3,0 điểm) gồm 4 câu hỏi/yêu cầu: Nhận biết (2 câu: 1,5 điểm), thông hiểu (1 câu: 1,0 điểm), vận dụng/vận dụng cao (1 câu: 0,5 điểm).

+ Làm văn (7,0 điểm): gồm 2 câu hỏi/yêu cầu (NLXH: 2.0 điểm; NLVH: 5,0 điểm): Nhận biết (2,5 điểm), thông hiểu (2,0 điểm), vận dụng (1,5 điểm), vận dụng cao (1,0 điểm).

3. Nội dung kiểm tra:

- Ngữ liệu đọc hiểu: Khuyến khích sử dụng ngữ liệu đọc hiểu là các văn bản ngoài sách giáo khoa có hình thức thể loại, mức độ kiến thức tương đương với các loại văn bản đã học, chứa đựng các thông tin, nội dung cần kiểm tra phù hợp với chương trình Ngữ văn của lớp học tính đến thời điểm kiểm tra.

- Phần Làm văn, lựa chọn kiểu bài làm văn phù hợp với chương trình tính đến thời điểm kiểm tra và mục đích kiểm tra.

Ma trận:

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức, kĩ năng ¹	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu						
	Số câu		2	1	1	0	4
	Tỉ lệ % điểm	Tỉ lệ % điểm	15	10	5		30
2	Viết						
	Số câu	NLXH (Viết đoạn văn)	1*	1*	1*	1*	1
	Tỉ lệ % điểm		5	5	5	5	20
	Số câu	NLVH (Viết bài văn)	1*	1*	1*	1*	1
	Tỉ lệ % điểm		20	15	10	5	50
Tỉ lệ % điểm các mức độ			70		30		100

Lưu ý: Đề kiểm tra phải đảm bảo phù hợp giữa nội dung kiểm tra với thời gian làm bài và năng lực học tập của học sinh.

Phụ lục 3
LỊCH KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2023-2024
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 69/KH-THPTTHĐ ngày 08/12/2023
của trường THPT Trần Hưng Đạo)

Tuần 17 (Từ ngày 25/12/2023 đến ngày 30/12/2023)

Thứ/ ngày	Buổi	Khối lớp	Môn	Thời gian làm bài	Phát đề	Bắt đầu làm bài	Kết thúc	SL/ Phòng
Ngày thứ 3 26.12	Sáng	12	Ngữ văn	90 phút	7 giờ 15	7 giờ 20	8 giờ 50	14 phòng
		12	Địa lý	45 phút	9 giờ 10	9 giờ 15	10 giờ 00	14 phòng
	Chiều	10	Toán	90 phút	13 giờ 15	13 giờ 20	14 giờ 50	14 phòng
		10	Địa lý	45 phút	15 giờ 10	15 giờ 15	16 giờ 00	9 phòng
		10	Sinh học	45 phút	16 giờ 10	16 giờ 15	17 giờ 00	5 phòng
Ngày thứ 5 28.12	Sáng	11	Tiếng Anh	60 phút	7 giờ 15	7 giờ 20	8 giờ 20	16 phòng
		11	Hóa học GDKTPL	45 phút	8 giờ 35	8 giờ 40	9 giờ 25	16 phòng
		11	Tin học	45 phút	9 giờ 40	9 giờ 45	10 giờ 30	10 phòng
	Chiều	11	Tiếng anh Thi nói	13 giờ	Theo số báo danh – theo ca		17 giờ	6 phòng
Ngày Thứ 7 30/12	Sáng	12	Sinh học	45 phút	7 giờ 15	7 giờ 20	8 giờ 05	14 phòng
		12	GDCD	45 phút	8 giờ 20	8 giờ 25	9 giờ 10	14 phòng
		12	Tin học	45 phút	9 giờ 25	9 giờ 30	10 giờ 15	14 phòng
	Chiều	10	Ngữ văn	90 phút	13 giờ 15	13 giờ 20	14 giờ 50	14 phòng
		10	GDKTPL	45 phút	15 giờ 10	15 giờ 15	16 giờ 00	10 phòng

BAN GIÁM HIỆU

Tuần 18 (Từ ngày 02/01/2024 đến ngày 05/01/2024)

Thứ/ ngày	Buổi	Khối lớp	Môn	Thời gian làm bài	Phát đề	Bắt đầu làm bài	Kết thúc	SL/ Phòng
Ngày Thứ 3 02/01	Sáng	11	Toán	90 phút	7 giờ 15	7 giờ 20	8 giờ 50	16 phòng
		11	Lịch sử	45 phút	9 giờ 10	9 giờ 15	10 giờ 00	16 phòng
	Chiều	10	Lịch sử	45 phút	13 giờ 15	13 giờ 20	14 giờ 05	14 phòng
		10	CNTT	45 phút	14 giờ 25	14 giờ 30	15 giờ 15	9 phòng
		10	Hóa học	45 phút	15 giờ 40	15 giờ 45	16 giờ 30	7 phòng
Ngày Thứ 4 03.01	Sáng	12	Tiếng anh	45 phút	7 giờ 15	7 giờ 20	8 giờ 05	14 phòng
		12	Vật lý	45 phút	8 giờ 20	8 giờ 25	9 giờ 10	14 phòng
		12	Lịch sử	45 phút	9 giờ 25	9 giờ 30	10 giờ 15	14 phòng
	Chiều	11	Ngữ văn	90 phút	13 giờ 15	13 giờ 20	14 giờ 50	16 phòng
		11	Địa lý – Sinh học	45 phút	15 giờ 10	15 giờ 15	16 giờ 00	16 phòng
Ngày Thứ 5 04/01	Sáng	10	Tiếng Anh	60 phút	7 giờ 15	7 giờ 20	8 giờ 20	14 phòng
		10	Tin học	45 phút	8 giờ 35	8 giờ 40	9 giờ 25	14 phòng
		10	Vật lý	45 phút	9 giờ 40	9 giờ 45	10 giờ 30	7 phòng
	Chiều	10	Tiếng anh Thi nói	13 giờ	Theo số báo danh – theo ca		17 giờ	6 phòng
Ngày Thứ 6 05.01	Sáng	12	Toán	60 phút	7 giờ 15	7 giờ 20	8 giờ 20	14 phòng
		12	Hóa học	45 phút	8 giờ 40	8 giờ 45	9 giờ 30	14 phòng
	Chiều	11	CNCN	45 phút	13 giờ 15	13 giờ 20	13 giờ 50	14 phòng
		11	Vật lý	45 phút	14 giờ 10	14 giờ 15	15 giờ 00	7 phòng

Ngày 06.01. 2024(thứ 7) : Dạy học bình thường theo TKB

BAN GIÁM HIỆU